| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 237/2020/DS-PT
Ngày: 09-9-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi)

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Trí Dũng

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Minh Tấn

Bà Nguyễn Thị Huyền

***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi)",

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 234/2020/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1974. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1976. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/10/2018), có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Đỗ Văn M - Luật sư của Công ty Luật, Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

*Bị đơn:* Ông Đỗ Minh T1, sinh năm 1976. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

*Đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1965. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà NLQ1, sinh năm 1980. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bà NLQ2, sinh năm 1948. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1974. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

*Người kháng cáo*: Bị đơn ông Đỗ Minh T1.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Bà Ngô Thị Tuyết M là người sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 1.182,8m$^2$ thuộc thửa số 584, tờ bản đồ số 41 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 6XY994, số và sổ CS 11517 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/12/2017. Nguồn gốc do bà M nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Thanh C. Trước khi bà M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Thanh C thì ở góc – cạnh hướng Nam của thửa đất đã có lối đi rộng 5m thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Thanh C. Sau khi bà M nhận chuyển nhượng thì trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện có lối đi ở góc – cạnh hướng Nam thửa đất. Hiện trạng lối đi khi bà M nhận chuyển nhượng là đường rải đá nhưng thực tế lối đi đã được đổ bê tông. Nguồn gốc lối đi là do bà NLQ2 (mẹ ruột ông T1) bỏ đất mở lối đi. Lối đi được bắt đầu từ đường nhựa hiện hữu vào giáp với đất bà M, có cổng sắt có khóa mở, trụ bê tông. Cổng rào này đã được xây dựng từ thời chủ đất trước. Lối đi này là lối đi chung của hộ ông H, bà M và có nhiều phụ huynh đi lại khi đưa đón con học tại trường Mầm non do bà M làm chủ. Sau khi bà M sử dụng quyền sử dụng đất trên với mục đích làm cơ sở giáo dục Mầm non thì ông Đỗ Minh T1 có làm hàng rào có bánh xe chắn ngang lối đi làm cản trở việc ra vào của bà M và các phụ huynh đưa đón con em. Việc ông T1 tự ý làm cổng rào chắn lối đi vào khu đất của bà M là trái quy định của pháp luật, cản trở quyền sử dụng lối đi của bà M. Ngày 19/10/2018 bà M khởi kiện yêu cầu ông T1 chấm dứt hành vi trái pháp luật trong việc đặt, để hàng rào chắn ngang lối đi giáp đất của bà M và buộc ông T1 phải di dời hàng rào này đi nơi khác. Ngày 04/6/2019 bà M có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tranh chấp lối đi chung có diện tích qua đo đạc thực tế là 411,8m$^2$ có vị trí tứ cận: hướng Đông giáp bà NLQ2, ông Đỗ Minh T1, hướng Tây giáp ông Đỗ Minh T1, hướng Nam giáp đường nhựa 4,2m, hướng Bắc giáp đất bà M.

Đại diện bị đơn trình bày: Ông Đỗ Minh T1 và bà NLQ1 là chủ sở hữu quyền sử dụng đất diện tích 981,9m$^2$ thuộc thửa đất số 610, tờ bản đồ số 41, tại phường Phú Hòa, thành phố T, tỉnh Bình Dương đất đã được Ủy ban nhân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 946797, số vào sổ CH 06817 ngày 15/12/2014 cho ông Đỗ Minh T1, bà NLQ1. Tiếp giáp phần đất này có lối đi, có nguồn gốc là do mẹ ruột ông Đỗ Minh T1 là bà NLQ2 tự mở từ năm 2010, đến năm 2014 lối đi này được làm bê tông, mục đích để sử dụng trong gia đình. Lối đi này

do gia đình ông T1 tự mở không phải lối đi do nhà nước quản lý. Hiện nay, lối đi này chỉ có gia đình ông T1 sử dụng không còn ai sử dụng. Lối đi có chiều ngang 5m, chiều dài 82m, tường rào giáp đất ông H là do nhà ông T1 xây làm ranh. Khoảng năm 2014, khi bà NLQ2 mở lối đi thì ông H là chủ đất cũ có xin xây dựng cổng rào tiếp giáp vị trí lối đi để làm lối thoát hiểm. Sau này ông H mới chuyển nhượng cho ông C và ông C tiếp tục chuyển nhượng cho bà M. Khi bà M xây dựng nhà trẻ thì rất nhiều người sử dụng lối đi này. Tuy nhiên, gia đình ông T1 kinh doanh dịch vụ vận tải nên xe tải cỡ lớn thường xuyên đi lại, ra vào rất nhiều, đặc biệt là vào giờ cao điểm, việc phụ huynh và học sinh đi chung lối đi này sẽ rất nguy hiểm. Ngoài ra, trước đây còn phát sinh vụ việc giáo viên trong trường của bà M khi sử dụng lối đi này thì bị chó của gia đình ông T1 cắn từ đó hai bên gia đình (bà M và ông T1) phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy khoảng tháng 6 năm 2018, ông T1 đã làm cổng rào có bánh xe để chắn lối đi không cho gia đình bà M cũng như các phụ huynh có con em học tại trường sử dụng. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 trình bày:

Bà NLQ2 thống nhất với lời trình bày của bà H1 về việc bỏ đất ra mở lối đi khi chia đất cho các con. Đây là lối đi tự mở của gia đình bà, do đó bà không đồng ý cho người ngoài đi. Khi xin bỏ đất mở lối đi, bà NLQ2 có làm thủ tục theo quy định. Bà NLQ2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời bà NLQ2 có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết H trình bày: Thống nhất lời trình bày nguyên đơn không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của bị đơn không ý kiến gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2019/DS-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Tuyết M đối với bị đơn ông Đỗ Minh T1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi chung).

Công nhận diện tích 411,8m$^2$ lối đi chung có vị trí tứ cận như sau: hướng Đông giáp bà NLQ2, ông Đỗ Minh T1, hướng Tây giáp ông Đỗ Minh T1, hướng Nam giáp đường nhựa 4,2m, hướng Bắc giáp đất bà M (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án tuyên, ngày 09/12/2019 bị đơn ông Đỗ Minh T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của bị đơn và quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do xác định sai

đối tượng khởi kiện, đất mà L chừa đường đi cho các con khi chia đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà NLQ2, ông T1 đều xác định đây là lối đi tự mở, khi chủ đất trước đi đường điện phải có văn bản thỏa thuận với bà NLQ2 cho mắc điện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định lối đi công cộng từ đó cho phép gia đình bà M, ông H cùng đi là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà NLQ2 và gia đình anh em ông T1. Gia đình bà M đã có lối đi công cộng khác, còn gia đình ông T1 chỉ có lối đi hiện đang tranh chấp. Ông T1 có lập công ty, xe tải ra vô thường xuyên nên rất nguy hiểm nếu cho bà M sử dụng thêm lối đi này làm lối đi cho trường học của bà M.

Ý kiến của đại diện nguyên đơn và quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Công văn số 569/TNMT ngày 25/10/2019 đã xác định rõ lối đi tranh chấp là đất giao thông nông thôn, thuộc loại đất sử dụng vào mục đích công cộng theo điểm e khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 nên tất cả mọi người ai cũng được quyền đi kể cả nguyên đơn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M thể hiện lối đi tranh chấp là đường rãi đá 5m-4m. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông H: Thống nhất ý kiến của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Hồ sơ xin mở đường của bà NLQ2 thể hiện bà NLQ2 mở đường là cho các con đi khi chia đất vì vậy con đường là do bà NLQ2 tự mở không phải là đường giao thông nông thôn. Nguyên đơn kiện ông T1 là không đúng đối tượng. Công văn số 569/TNMT mâu thuẫn với xác minh của Tòa án nhưng cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ. Bị đơn kháng cáo là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vụ án theo bản án số 128/2019/DS-ST. Ngày 09/12/2019, bị đơn ông Đỗ Minh T1 có đơn kháng cáo. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn là trong hạn luật định.

[2] Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2018, nguyên đơn bà Ngô Thị Tuyết M khởi kiện bị đơn ông Đỗ Minh T1 yêu cầu ông T1 chấm dứt hành vi trái pháp luật trong việc đặt, để hàng rào chắn ngang lối đi giáp đất của bà M và buộc ông T1 phải di dời hàng rào này đi nơi khác. Nhưng đến ngày 04/6/2019, bà M đã có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện (bút lục 92) không yêu cầu ông T1 chấm dứt hành vi trái pháp luật trong việc đặt, để hàng rào chắn ngang lối đi nữa mà yêu cầu ông T1 công

nhận diện tích đất 411,8m$^2$ là đường đi chung. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự và Tòa án có trách nhiệm giải quyết trong phạm vi đơn kiện của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật và tranh chấp lối đi chung là hai quan hệ pháp luật khác nhau. Tuy nhiên, khi bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện thì Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích, hướng dẫn để nguyên đơn rút lại yêu cầu ông T1 chấm dứt hành vi trái pháp luật hay không để đình chỉ phần yêu cầu này và phần quyết định bản án sơ thẩm cũng không xử lý yêu cầu này mà vẫn xác định nội dung tranh chấp trong phần nhận định tại mục [2] của bản án là bà Ngô Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Minh T1 tháo dỡ hàng rào có bánh xe để trả lại lối đi chung có diện tích 411,8m$^2$ là không giải quyết đúng và đủ phạm vi đơn kiện của đương sự theo quy định Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nguồn gốc lối đi: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 926671 cấp cho bà NLQ2 vào ngày 07/10/2014, điều chỉnh biến động tặng cho ông Đỗ Minh T1 vào ngày 03/12/2014 thể hiện cạnh hướng Tây của thửa đất có lối đi chung tự mở 5m bắt đầu từ đường nhựa 4,2m vào đến hết khu đất ông T1. Vị trí lối đi chung tự mở 5m nêu trên trùng với lối đi đang tranh chấp được các đương sự hướng dẫn đo đạc thực tế có diện tích 411,8m$^2$ tọa lạc tại phường Phú Hòa, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tại tòa, tất cả các đương sự đều thừa nhận lối đi tranh chấp có nguồn gốc của bà NLQ2 tự bỏ đất mở thành đường đi. Ông T1 là con ruột bà NLQ2 chỉ là người được bà NLQ2 cho sử dụng con đường nên quá trình sử dụng có đổ bê tông cải tạo con đường. Theo Công văn số 569/TNMT ngày 25/10/2019 do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (bút lục 157, 158) trả lời về nguồn gốc lối đi tranh chấp là của bà Đoàn Thị L1 và không có sửa đổi, đính chính gì liên quan đến bà NLQ2. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ sự mâu thuẫn về nguồn gốc đất tranh chấp là của bà L1 hay của bà NLQ2 như trả lời của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T mà vẫn sử dụng Công văn số 569/TNMT làm chứng cứ trong vụ án (tại mục [2.2] của bản án) và tự ý sửa bà Đoàn Thị L1 theo nội dung Công văn số 569/TNMT thành bà NLQ2 là phản ánh không đúng với chứng cứ thu thập được. Trong trường hợp nguồn gốc đất đường đi tranh chấp 411,8m$^2$ là của bà NLQ2 nhưng nguyên đơn lại khởi kiện ông T1 là không đúng, không đầy đủ chủ thể bị khởi kiện. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là ông T1 nhưng lại quyết định công nhận 411,8m$^2$ làm lối đi chung có nguồn gốc của bà NLQ2 là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà NLQ2. Đồng thời, bản án không thể thi hành được do bà NLQ2 không phải là người bị kiện, nội dung quyết định không ràng buộc trách nhiệm đối với bà NLQ2.

[4] Nội dung Công văn số 569/TNMT vừa trả lời nguồn gốc đất đường đi tranh chấp do bà Đoàn Thị L1 xin điều chỉnh thửa đất theo thực tế, tự bỏ đất ra làm lối đi chung – tự mở 4m, 5m dài hết đất vào năm 2010 vừa xác định lối đi chung tự mở này là đất giao thông nông thôn, thuộc loại đất sử dụng vào mục đích công cộng theo điểm e khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 là trả lời có mâu thuẫn về

quyền đối với lối đi có tranh chấp. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 926671 cấp cho bà NLQ2 vào ngày 07/10/2014 và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06817 ngày 15/12/2014 do UBND thành phố T cấp cho vợ chồng ông Đỗ Minh T1, bà NLQ1 đều xác định giáp cạnh phía tây và phía bắc là "lối đi chung tự mở 5m – 4m" mà không ghi nhận đây là đường giao thông nông thôn, không có ký hiệu tên đường giao thông nông thôn. Mặt khác, theo Đơn xin điều chỉnh giấy chứng nhận, mở lối đi tách sổ cho con do bà NLQ2 lập ngày 21/12/2010 thuộc hồ sơ đất của bà NLQ2 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T cung cấp (bút lục 119) có nội dung bà NLQ2 làm đơn xin UBND thị xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã (nay là thành phố) T cho bà mở lối đi 5m và 4m tách sổ cho con đất. Ngày 3/11/2010, UBND phường Phú Hòa xác nhận đơn trên với nội dung bà NLQ2 bỏ đất làm lối đi để chia đất cho các con là đúng. Ngày 08/12/2010, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T có Công văn số 1069/CV-VPSDĐ (bút lục 120) với nội dung: Văn phòng tiếp nhận đơn của bà NLQ2 xin điều chỉnh giấy chứng nhận và mở lối đi cho con có xác nhận cụ thể của UBND phường Phú Hòa ngày 3/12/2010, Văn phòng trình lên Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét cho ý kiến. Theo Biên bản cuộc họp của Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T ngày 15/12/2010 (bút lục 121) ghi nhận việc thống nhất giải quyết hồ sơ bà NLQ2 xin điều chỉnh giấy chứng nhận và mở lối đi tách thửa cho con. Theo Biên bản xác minh ngày 21/02/2019 của cấp cơ thẩm tại UBND phường Phú Hòa cung cấp thông tin: "*Phần lối đi tự mở đang có tranh chấp có nguồn gốc là một phần đất của bà NLQ2 (mẹ ruột ông T1) thuộc thửa số 52 tờ bản đồ 41. Khoảng năm 2008, bà NLQ2 tự bỏ đất để mở lối đi vào giữa khu đất của bà, mục đích của việc mở lối đi là chia đất cho các con. Lối đi tự mở này để vào nhà của các con của bà NLQ2 là ông Đỗ Minh T1. Lối đi tự mở này không thuộc diện nhà nước quản lý. Ngoài các con bà NLQ2 đang sử dụng lối đi thì không còn ai sử dụng. Hiện tại bà M đang có tranh chấp với ông T1 về lối đi này. Tuy nhiên, ngoài lối đi này bà M còn lối đi khác để vào nhà đất của bà M. Cụ thể: lối đi có cạnh hướng Bắc và hướng Tây Bắc của bà M là lối đi do nhà nước quản lý hiện đã được bê tông hóa"*. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2019 có thể hiện ngoài lối đi tranh chấp thì đất của nguyên đơn còn có một lối đi khác ở hướng bắc (góc phía tây) hiện nay nguyên đơn có xây dựng cổng chính tại lối đi này. Vì vậy, căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện quyền sử dụng đất tranh chấp 411,8m$^2$ là do bà NLQ2 tự bỏ đất ra làm lối đi để chia đất cho các con, không phải là đường giao thông nông thôn. Theo khoản 3 Điều 275 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: "*Trong trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù"*. Bà NLQ2 tự bỏ đất ra làm đường đi vào năm 2008 để chia đất cho các con là phù hợp với quy định nêu trên và ai được quyền sử dụng lối đi tự mở này sẽ phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên vào thời điểm mở đường.

Bị đơn không cung cấp được văn bản đã thỏa thuận với gia đình bà NLQ2 về việc cùng sử dụng chung con đường. Mặc khác, ông Nguyễn Ngọc H1 (là chủ sử

dụng đất trước khi đất được chuyển nhượng cho nguyên đơn) khi trồng hai trụ điện và đi đường điện ngang qua đất nhà bà NLQ2 tại vị trí con đường tranh chấp đã có văn bản xin phép bà NLQ2 tại Giấy chấp thuận ngày 14/10/2011 (bút lục 86) và cam kết liên hệ Điện lực thị xã T để di dời khi bà NLQ2 có nhu cầu lấy lại. Theo Biên bản Đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/10/2019 có thể hiện trên đất tranh chấp còn 03 cây trụ điện do ông Nguyễn Ngọc H1 xin trồng năm 2011 theo Giấy chấp thuận ngày 14/10/2011. Vì vậy, với các chứng cứ nêu trên đều thể hiện bà NLQ2 là người có quyền đối với lối đi đang tranh chấp, do bà tự mở đường khi chia đất cho con. Các chứng cứ này mâu thuẫn với nội dung Công văn số 569/TNMT ngày 25/10/2019 xác định là đất giao thông nông thôn, thuộc loại đất sử dụng vào mục đích công cộng theo điểm e khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 nhưng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ làm rõ nội dung Công văn số 569/TNMT ngày 25/10/2019 mâu thuẫn với chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án về nguồn gốc đất tranh chấp do bà Đoàn Thị L1 hay NLQ2 bỏ đất làm đường, có văn bản của người này tự nguyện hiến đất cho Nhà nước làm đường công cộng hay không, có văn bản thu hồi đất hay đền bù khi làm đường công cộng hay không, có văn bản gì thể hiện Nhà nước đầu tư làm đường giao thông nông thôn tại vị trí đất tranh chấp, lối đi chung tự mở có những ai được quyền đi trên con đường này. Làm rõ vì sao trong hồ sơ cấp sổ cho bà NLQ2 thể hiện các văn bản bà NLQ2 tự bỏ đất mở đường cho các con đi được Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T cùng thống nhất xét duyệt như đã phân tích tại mục [3, 4] nhưng Công văn số 569/TNMT cung cấp thông tin đây là đất giao thông nông thôn, thuộc loại đất sử dụng vào mục đích công cộng theo điểm e khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp qua xác minh lại thể hiện gia đình bà NLQ2 không tự nguyện hiến đất làm đường công cộng, không được đền bù đất, mà bà NLQ2 chỉ mở đường đi cho các con khi chia đất thì hiện nay khi bà M muốn cùng đi thì cần phải xem xét giải quyết quyền lợi của bà NLQ2 theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, xét việc cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ từ đó quyết định không phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà NLQ2 mà cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và ý kiến kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và ý kiến của đại diện nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng khác: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 3 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Minh T1.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Minh T1 không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0041137 ngày 09/12/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 09/9/2020./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Trí Dũng**